

Số: 02/TB-VP

Tân Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2026

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện Công văn số 3949/BTC-NSNN ngày 05/4/2018 của Bộ Tài chính về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Xét đề nghị của Công chức Văn phòng HĐND và UBND phụ trách kế toán về việc thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2026.

Văn phòng HĐND và UBND xã Tân Minh thông báo tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2026

- Hình thức công khai:

+ Niêm yết tại trụ sở UBND xã Tân Minh

+ Thông báo trên hệ thống Đài truyền thanh xã.

+ Thực hiện đăng tải trên Trang thông tin điện tử của xã.

- Thời gian công khai: Từ ngày 02/4/2025 đến ngày 02/5/2026

- Giao công chức Văn phòng HĐND và UBND xã niêm yết tại trụ sở UBND xã và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của UBND xã theo quy định.

Văn phòng HĐND và UBND xã Tân Minh thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND xã;

- TT SNC xã;

- Lưu: VP.



CHÁNH VĂN PHÒNG

Phạm Khắc Tuấn

Số: 11/QĐ-VP

Tân Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2026

CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ TÂN MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Tân Minh về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị xã Tân Minh;

Xét đề nghị của công chức Công chức văn phòng HĐND và UBND phụ trách kế toán.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Tân Minh

(Có biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân HĐND và UBND xã, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu VP.



CHÁNH VĂN PHÒNG

Phạm Khắc Tuấn

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý I năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-VP ngày 02/4/2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Tân Minh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	27.198.769.226	8.372.399.686	30,78	
I	Nguồn ngân sách trong nước	27.198.769.226	8.372.399.686	30,78	
1	Chi quản lý hành chính	19.362.620.526	5.247.145.786	27,10	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.235.796.000	1.252.489.940	23,92	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	14.126.824.526	3.994.655.846	28,28	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	0		
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi bảo đảm xã hội	318.953.700	318.953.700	100,0	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	318.953.700	318.953.700	100,00	
5	Chi hoạt động kinh tế	3.011.928.000	1.996.005.000	66,27	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.011.928.000	1.996.005.000	66,27	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		



7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi sự nghiệp quốc phòng	899.315.000	54.475.200	6,06	
11.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	899.315.000	54.475.200	6,06	
11.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
12	Chi sự nghiệp an ninh và trật tự ATXH	3.605.952.000	755.820.000	20,96	
12.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
12.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.605.952.000	755.820.000	20,96	
13	Chi khác				
13.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
13.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
14	Chi nộp trả cấp trên				
14.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
14.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

